TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2026/DS-ST
Ngày: 27-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hội;

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10-8-2026 và ngày 27-8-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 415/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Hoàng A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng A: Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Nguyễn Thị Nu T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền ngày 31-3-2026).

- *Bị đơn:* Phạm Văn Pháp E, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị O có mặt tại phiên tòa; A Pháp Em vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lê Hoàng A là chị Đỗ Thị Ngọc O: Vào năm 2025 anh Lê Hoàng A có bán giấy (giấy

phế liệu) cho anh Phạm Văn P Em và chị Nguyễn Thị Thu T1. Khi đó vợ chồng anh Pháp E còn thiếu anh Hoàng A tổng số tiền là 68.151.000 đồng, sau đó anh P Em có chuyển trả cho anh Hoàng A được số tiền 30.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền là 38.151.000 đồng, vợ chồng anh P Em hứa đến ngày 24-3-2026 sẽ trả số tiền trên cho anh Hoàng A, nhưng đến ngày hẹn vợ chồng anh Pháp E không thực hiện. Nhiều lần anh Hoàng A yêu cầu vợ chồng anh P Em trả số tiền trên cho anh Hoàng A nhưng vợ chồng anh P Em không chịu trả, cố tình tránh né.

Nên anh Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn P Em và chị Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hoàng A là chị Đỗ Thị Ngọc O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn P Em có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn anh Phạm Văn Pháp E: Anh Pháp E thừa nhận có mua giấy (giấy phế liệu) của anh Hoàng A còn thiếu số tiền gốc là 38.151.000 đồng và đồng ý trả cho anh Hoàng A số tiền gốc là 38.151.000 đồng, không tính lãi.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Hoàng A. Buộc anh Phạm Văn P Em trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm năm mươi mốt nghìn đồng), không tính lãi.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Văn P Em vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Lê Hoàng A yêu cầu giải quyết buộc anh Phạm Văn P Em có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng, không tính lãi.

Anh Phạm Văn Pháp E đồng ý trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng, không tính lãi.

Xét thấy: Anh Phạm Văn Pháp E đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án với nội dung khởi kiện của anh Lê Hoàng A và anh Phạm Văn P Em đồng ý trả nợ cho anh Lê Hoàng A nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh Phạm Văn P Em hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Nên yêu cầu của anh Lê Hoàng A là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Do đó, buộc anh Phạm Văn P Em có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng, không tính lãi theo quy định tại các điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này bị đơn anh Phạm Văn P Em có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Hoàng A số tiền 38.151.000đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 38.151.000đồng = 1.907.550đồng, làm tròn 1.908.000 đồng án phí; Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại 954.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0005226 ngày 09-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoàng A.

Buộc anh Phạm Văn P Em có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng A số tiền mua giấy còn thiếu gốc là 38.151.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm năm mươi mốt nghìn đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn Pháp E có nghĩa vụ chịu 1.908.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng) án phí.

Anh Lê Hoàng A không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh Lê Hoàng A 954.000 đồng (Chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005226 ngày 09-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-8-2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương